

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 6 - 2020

V/v ly hôn giữa Chị Đỗ Thị H
và anh Phạm Văn Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, ông Nguyễn Trọng Tảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2020/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H – Sinh năm 1971.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ – Sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Chị H xin vắng mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2020, bản tự khai đề ngày 09/3/2020, nguyên đơn chị H trình bày:

Chị kết hôn với Anh Phạm Văn Đ năm 1989, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do sau khi kết hôn anh chị sống ở nhà

bố mẹ đẻ của chị, anh Đ có sự mặc cảm, có hành động xúc phạm, lăng mạ nhân phẩm của chị. Vì các con nên chị cố gắng chịu đựng nhưng anh Đ ngày càng quá đáng hơn, khiến chị không thể chịu đựng được nữa. Anh chị sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Phạm Văn C, sinh ngày 03/9/1991 và Phạm Thị Thu H, sinh ngày 28/02/1995. Chị H xác định cả hai con chung đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, không cần sự nuôi dưỡng từ bố mẹ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh Đ không đến Tòa án để làm việc. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành về địa phương để xác minh, thu thập chứng cứ:

Ngày 27/4/2020, Tòa án làm việc trực tiếp với anh Đ tại gia đình ở thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh N, anh Đ cho biết:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, anh Đ trình bày phù hợp với lời khai của chị H. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xung quanh việc chị H đi làm, anh Đ có lời qua tiếng lại với chị H, việc vợ chồng cãi nhau, anh Đ trong lúc nóng giận có nặng lời với chị H. Anh chị sống ly thân từ năm 2010 đến nay nhưng vẫn duy trì việc ăn chung và chung kinh tế gia đình. Đến nay, anh Đ xác định vẫn còn tình cảm với chị H, việc chị H còn tình cảm với anh không thì anh không rõ. Anh Đ có quan điểm: Việc xin ly hôn là tùy ở chị H, anh không liên quan, không đến Tòa án giải quyết vụ án, anh không viết Bản tự khai, không ký Biên bản thuận tình ly hôn, không quan tâm đến việc Tòa án giải quyết vụ án như thế nào, tùy pháp luật giải quyết.

Qua xác minh tại địa phương, địa phương cung cấp: Về thời gian và điều kiện kết hôn của chị H, anh Đ phù hợp với lời khai của chị H. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh chị sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Địa phương xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng vì anh chị ly thân đã lâu, khả năng hàn gắn là rất khó khăn.

Về con chung: Chị H, anh Đ có 02 con chung là Phạm Văn C, sinh ngày 03/9/1991 và Phạm Thị Thu H, sinh ngày 28/02/1995. Cả hai con chung đều đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống riêng.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Đ không có mặt nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn xin vắng mặt, anh Đ đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, anh Đ chấp hành chưa tốt cổ tình vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về nội dung:

- Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

- Các vấn đề khác có liên quan: Chị H không yêu cầu giải quyết.

- Chị H có nghĩa vụ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Phạm Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh N. Yêu cầu khởi kiện của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa chị H, anh Đ được xác lập năm 1989, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Chị H cho rằng anh Đ mặc cảm chuyện ở rể nên buông lời lẽ, làm những hành động xúc phạm chị khiến chị không thể chịu đựng được. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Anh Đ biết được việc chị H xin ly hôn, đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, **Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải**, Giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh cố tình không đến Tòa án để làm việc, điều này thể hiện việc anh Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, anh chị ly thân đã lâu, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H, anh Đ ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị H, anh Đ có 02 con chung là Phạm Văn C, sinh ngày 03/9/1991 và Phạm Thị Thu H, sinh ngày 28/02/1995. Cả hai con chung đều đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống riêng, chị H, anh Đ không đề nghị giải quyết việc nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị H, anh Đ không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị H, anh Đ không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị H phải nộp là 300.000 đồng. Đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001377, ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị H, anh Đ được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã Y: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngọc Bích